TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn C, xã H2, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. Người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị A1, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn C, xã H2, huyện G, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại khu tập thể Trường kỹ thuật nghiệp vụ công trình giao thông, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội nơi anh chị công tác;

vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, anh H hay uống rượu chè say xỉn, không quan tâm chăm lo đến kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 5 năm 2017, vợ chồng đã chuyển về quê chồng ở Thôn A, xã X, huyện Gia Lộc sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn lại càng trầm trọng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị ở Thôn C, xã H2, huyện Gia Lộc sống từ năm 2017 đến nay. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 5 năm 2017 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có ba con là Nguyễn Vũ Trúc L, sinh ngày 13/10/2007, Nguyễn Vũ Quỳnh D, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 23/9/2017. Hiện cháu L và cháu D đang sống cùng với anh H; còn cháu N đang sống cùng chị. Chị nhất trí với nguyện vọng của cháu L và cháu D muốn được tiếp tục sống cùng với anh H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cháu N, anh H tiếp tục nuôi cháu L và cháu D theo nguyện vọng của các cháu; chị không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Năm 2007 anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã X, huyện Gia Lộc đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng công tác và sống ở thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung nên đã xảy ra cãi nhau. Năm 2017 gia đình anh chuyển về quê tại Thôn A, xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có ba con như chị M trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi cả ba con, anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã X, huyện Gia Lộc cung cấp: Anh H và chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2007. Sau khi khi kết hôn, anh chị không sinh sống tại địa phương mà làm ăn sinh sống ở nơi khác nên địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng. Hiện anh H và hai con gái của anh H chị M đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H ở Thôn A, xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương từ nhiều năm nay. Còn chị M không sống cùng anh H, vợ chồng sống ly thân nhau từ lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Hiện hai con lớn của anh chị đang học tập tại địa phương, hiện các cháu vẫn phát triển bình thường. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu.

Tại lời khai của ông Nguyễn Huy Đ là bố đẻ của chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M và anh H kết hôn với nhau vào năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị đều công tác tại Tổng công trình giao thông 1 Hà Nội. Đến đầu năm 2017 gia đình anh H chuyển về quê tại Thôn A, xã X, huyện Gia Lộc ở cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu khó làm ăn, thường xuyên rượu chè, không quan tâm, chăm lo đến vợ con, từ đó vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau, có lần anh H uống rượu, chị M đã đổ rượu đi không cho anh H uống, anh H đã đánh chị M. Tháng 4 năm 2017 vợ chồng anh H xảy ra mâu thuẫn, chị M đã bỏ về nhà ông ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Ông xác định tình cảm vợ chồng anh H và chị M không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết cho chị M được ly hôn anh H. Về con chung anh chị có ba con như đã nêu trên; hiện cháu L và cháu D đang sống cùng anh H, cháu N đang sống cùng với chị M.

Tại lời khai của bà Phạm Thị A1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H, chị M có kết hôn với nhau vào năm 2007. Sau khi kết hôn, anh chị đều công tác tại Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 thuộc Bộ giao thông vận tải và được công ty cấp cho một phòng ở tại khu tập thể. Bà không biết lý do gì mà năm 2017 vợ chồng anh H lại đưa các con của anh chị về nhà bà ở, sau đó chị M bỏ đi, kể từ năm 2017 cho đến nay chị M không quan tâm gì đến hai con, việc chăm sóc hai cháu chủ yếu do vợ chồng bà và anh H. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, anh chị cũng không tìm ra được giải pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có ba con như trên, hiện cháu L, cháu D đang ở cùng với vợ chồng bà và anh H, cháu N ở cùng với chị M, bà xác định gia đình bà có chỗ ăn ở, học hành cho các cháu, gia đình bà sẽ hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được tiếp tục nuôi cháu L và cháu D, chị M tiếp tục nuôi cháu N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Trúc L, sinh ngày 13/10/2007 và cháu Nguyễn Vũ Quỳnh D, sinh ngày 17/3/2010 cho anh H nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày

23/9/2017 cho chị M nuôi dưỡng. Chị M và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn H, trú tại Thôn A, xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Toà án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/3/2007 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến để làm việc và tham gia phiên hòa giải, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị và đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng tại các phiên hoà giải anh đều vắng mặt, thể hiện thái độ không chấp hành, không quan tâm đến việc hoà giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều đó chính tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có ba con là Nguyễn Vũ Trúc L, sinh ngày 13/10/2007, Nguyễn Vũ Quỳnh D, sinh ngày 17/3/2010 và Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 23/9/2017. Từ tháng 5 năm 2017 khi chị M và anh H sống ly thân, mỗi người một nơi thì cháu L, cháu D vẫn sống cùng anh H, cháu N từ khi sinh ra đến nay vẫn sống cùng chị M. Hiện các cháu đều vẫn phát triển bình thường, cháu L, cháu D đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh H;

chị M đề nghị được tiếp tục nuôi cháu N và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con; anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi cả ba con. Do vậy cần giao cháu N cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L, cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng để cho các cháu được ổn định môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 23/9/2017 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con là Nguyễn Vũ Trúc L, sinh ngày 13/10/2007 và Nguyễn Vũ Quỳnh D, sinh ngày 17/3/2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị M, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0005370 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã X, huyện Gia Lộc để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi